

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ TRÁCH NHIỆM MỞ RỘNG CỦA NHÀ SẢN XUẤT (EPR) VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

✍️ ThS. Cao Huy Thông

● **TÓM TẮT:** Với mục tiêu phát triển kinh tế tuần hoàn và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã chính thức triển khai “trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhập khẩu” (EPR) được 5 năm, nhưng đến nay chưa mang lại hiệu quả mong muốn. Để hoàn thiện pháp luật về EPR vì mục tiêu phát triển bền vững, Việt Nam cần xây dựng nghị định riêng về EPR để tạo hành lang pháp lý chi tiết và khả thi, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích mạnh mẽ phát triển ngành tái chế trong nước, và tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp về công nghệ, đào tạo, và tài chính. Cần khắc phục các hạn chế như: quy định chưa cụ thể, thiếu hướng dẫn chi tiết và hạ tầng xử lý chất thải còn lạc hậu để EPR thực sự hiệu quả, trở thành động lực cho kinh tế tuần hoàn... Bài viết này một mặt phân tích pháp luật Việt Nam hiện hành đã quy định tỷ lệ và quy cách tái chế bắt buộc, nhưng các quy định này vẫn còn thiếu nhiều nội dung và chưa phù hợp với thực tiễn, làm cản trở hiệu quả thực hiện EPR. Mặt khác, bài viết đưa ra những đề xuất nhằm cải tổ một cách toàn diện pháp luật và thiết chế EPR ở Việt Nam theo hướng quy định chi tiết về: các sản phẩm, bao bì thuộc diện EPR, cách thức thực hiện EPR theo nhóm sản phẩm, tinh gọn tổ chức bộ máy quản lý EPR.

● **Từ khóa:** bảo vệ môi trường, chất thải rắn, phát triển bền vững, trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR), thu gom và xử lý chất thải.

● **ABSTRACT:** With the goals of promoting a circular economy and deepening international integration, Vietnam has officially implemented the Extended Producer and Importer Responsibility (EPR) mechanism for five years; however, its effectiveness remains below expectations. To the legal framework on EPR in pursuit of sustainable development, Vietnam needs to adopt a dedicated decree on EPR to provide a detailed and feasible legal corridor, policies that strongly incentivize the growth of the domestic recycling industry, and enhance support for enterprises in technology, training, and finance. Existing shortcomings such as vague provisions, lack of detailed guidance, and outdated waste-treatment infrastructure must be addressed for EPR to become truly effective and serve as a driving force for the circular economy. This paper analyzes the current Vietnamese legal provisions on mandatory recycling rates and specifications, demonstrating that these regulations remain incomplete and insufficiently aligned with practical conditions, thereby limiting the effectiveness of EPR implementation. It also proposes comprehensive reforms to Vietnam's EPR legislation and institutional arrangements, focusing on elaborating: the categories of products and packaging subject to EPR, implementation methods by product group, and a streamlined organizational structure for EPR governance.

● **Keywords:** environmental protection, solid waste, sustainable development, Extended Producer Responsibility (EPR), waste collection and treatment.

Ngày nhận bài: 26/9/2025 - Ngày bình duyệt: 05/11/2025 - Ngày duyệt đăng: 25/11/2025

Cương trình EPR ở Việt Nam đang đứng trong vận hội tốt cho việc cải tổ để hoạt động hiệu quả hơn, đạt được mục tiêu tăng dần tỷ lệ thu gom, tái chế; thúc đẩy thiết kế, sản xuất và tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường; góp phần từng bước thực hiện mô hình kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

1. KHÁI NIỆM, MỤC TIÊU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA EPR

EPR là viết tắt của dòng tên tiếng Anh “Extended Producer Responsibility”, nghĩa là “trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhập khẩu”; đó là cơ chế pháp luật/chính sách yêu cầu nhà sản xuất, nhập khẩu chịu trách nhiệm với sản phẩm của mình trong suốt vòng đời, không chỉ từ sản xuất đến sử dụng mà kéo dài tới giai đoạn thải bỏ, xử lý, tái chế. Theo đó, nhà sản xuất có thể đảm nhận trách nhiệm vật lý (thu gom, tái chế, phân loại, xử lý chất thải) hoặc/ và chịu trách nhiệm tài chính (đóng góp vào quỹ môi trường để hỗ trợ tái chế và xử lý chất thải).

Mục tiêu chính của EPR là giảm lượng rác thải, tăng tái chế, giảm gánh nặng xử lý chất thải cho Nhà nước; đồng thời thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, khuyến khích thiết kế sản phẩm/ bao bì thân thiện môi trường (dễ tái chế), sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn và giảm tác động ô nhiễm. Hoạt động EPR dựa trên nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”; nghĩa là, trách nhiệm đối với chất thải không nên chỉ thuộc Nhà nước, mà nên thuộc nhà sản xuất, người tạo ra sản phẩm.

Như vậy, EPR được xem không chỉ là “nhiệm vụ môi trường”, mà là công cụ chiến lược để phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn và quản lý hiệu quả chất thải.

2. QUAN HỆ GIỮA EPR VÀ KINH TẾ TUẦN HOÀN

**Giảm chi phí, chia sẻ gánh nặng môi trường*

EPR sẽ dẫn dắt nhà sản xuất nội hóa chi phí quản lý chất thải vào trong chi phí sản

phẩm. Quá trình này sẽ thúc đẩy nhà sản xuất tìm cách giảm lượng rác thải ra môi trường và tăng khả năng tái chế và tái sử dụng các bao bì đóng gói. Đặc biệt, với trách nhiệm mở rộng này, nhà sản xuất sẽ thay đổi tư duy về chuỗi sản xuất - tiêu dùng.

Với cách tiếp cận này, EPR được chứng minh là có hiệu quả trong:

- Chia sẻ gánh nặng tài chính và/ hoặc một phần trách nhiệm quản lý chất thải rắn từ chính quyền địa phương và người nộp thuế nói chung sang cho Nhà sản xuất;

- Thúc đẩy cải tiến sản phẩm theo hướng tiết kiệm nguyên liệu, giảm sử dụng các dạng nguyên liệu độc hại, khó tái chế, tối ưu hóa thiết kế thuận tiện cho việc thu gom, phân loại, tháo dỡ và tái chế... (thiết kế vì môi trường);

- Giúp tiết kiệm tài nguyên thông qua giảm chất thải, tăng tái chế (kinh tế tuần hoàn);

- Tạo ra các cơ hội kinh tế trong suốt các giai đoạn khác nhau của vòng đời sản phẩm, đặc biệt là ngành công nghiệp và dịch vụ môi trường trong quản lý và xử lý chất thải. EPR thúc đẩy nhà sản xuất tìm cách giảm lượng rác thải ra môi trường và tăng khả năng tái chế và tái sử dụng các bao bì đóng gói.

** Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn:*

EPR là yếu tố quan trọng hàng đầu trong mô hình kinh tế tuần hoàn - một mô hình kinh tế bảo đảm sự phát triển bền vững và tối ưu được các lợi thế cũng như sự tác động, hỗ trợ qua lại lẫn nhau của các yếu tố trong nền kinh tế. Thông qua việc xây dựng cơ chế tham gia cho các doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị của các sản phẩm, bao bì thuộc diện phải thu hồi, tái chế mà các lợi ích của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, nhà tái chế được tối ưu hóa. Cải thiện kinh doanh và thu hút đầu tư để phát triển hơn nữa lĩnh vực tái chế và xử lý chất thải. Góp phần tạo ra việc làm và việc làm chất lượng cao trên bình diện thu nhập, trình độ và điều kiện làm việc. Giảm phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu

thô và nâng cao sức cạnh tranh của nguyên liệu thứ cấp. Hỗ trợ du lịch thông qua môi trường trong sạch hơn.

EPR giúp tái cấu trúc hệ thống quản lý chất thải hiện nay. Từ đó tạo cơ sở để hình thành ngành công nghiệp tái chế hiện đại, điều hướng các nguồn rác thải phục vụ tái chế vào các cơ sở tái chế thân thiện môi trường. Từ đó, cơ chế EPR là nền tảng quan trọng cho nền kinh tế tuần hoàn mà chúng ta đang hướng đến. Cơ chế này bảo đảm sự tuần hoàn tài nguyên, khép vòng giữa chất thải và nguồn nguyên liệu đầu vào sản xuất. Do đó, giảm phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên cũng như giảm việc nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài.

EPR là yếu tố quan trọng hàng đầu trong mô hình kinh tế tuần hoàn

Thực hiện EPR để không phải hy sinh lợi ích kinh tế để đạt được các mục tiêu về môi trường. Ngược lại, sẽ có tác động tích cực tạo việc làm, tiết kiệm tài nguyên, giúp gia tăng lợi ích của doanh nghiệp và cả xã hội. Tuy nhiên, để thực hiện EPR thành công và xây dựng được các mô hình kinh tế tuần hoàn, doanh nghiệp sẽ gặp không ít thách thức từ công nghệ, vốn, thời gian và chi phí cơ hội. Ngoài ra, còn có các thách thức khác từ phía cộng đồng xã hội như: thói quen tiêu dùng và thải bỏ sản phẩm; tuần hoàn tài nguyên mà trong đó thách thức nhất là sự đồng bộ, thống nhất trong thiết kế sản phẩm giữa các nhà sản xuất; hình thành các chuỗi giá trị của mô hình kinh tế tuần hoàn.

3. TIẾN TRÌNH PHÁP LÝ EPR TẠI VIỆT NAM

Ở Việt Nam, khái niệm trách nhiệm thu hồi/ xử lý sản phẩm thải bỏ được đưa vào luật từ khá sớm: Lần đầu là ở Luật Bảo vệ môi trường 2005; Sau đó, trong Luật Bảo vệ môi trường 2014 vẫn có điều khoản liên quan, nhưng phạm vi, nghĩa vụ, tỷ lệ tái chế, nghĩa vụ tài chính, xử lý vẫn thiếu rõ ràng, dẫn đến khó áp dụng thực tiễn... Bước ngoặt lớn là khi Luật Bảo vệ môi trường 2020 được ban hành; trong đó bao gồm các điều (Điều 54, 55) quy định rõ “Trách nhiệm tái

chế” và “Trách nhiệm xử lý chất thải/ bao bì/sản phẩm sau tiêu dùng” đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu. Việc hướng dẫn thi hành tiếp tục được quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP (ngày 10/1/2022). Gần đây, để khắc phục hạn chế, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP, bao gồm các quy định liên quan đến EPR, nhằm làm rõ hơn trách nhiệm, đối tượng áp dụng, cách thức thực hiện... Như vậy, khung pháp lý EPR ở Việt Nam đã dần được hoàn thiện hơn.

Việc đưa EPR vào Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã tạo ra cơ sở pháp lý chính thức, buộc nhà sản xuất và nhập khẩu chịu trách nhiệm quản lý chất thải từ sản phẩm, bao bì của họ sau tiêu dùng. Để thực hiện các chỉ tiêu trên, phạm vi áp dụng EPR không chỉ là với pin, ắc quy, điện - điện tử, phương tiện giao thông, dầu nhớt, săm lốp mà còn mở rộng sang các dạng sản phẩm có sử dụng bao bì thực phẩm. Điều này cho thấy sự chặt chẽ của pháp luật Việt Nam về quản lý chất thải từ nguồn và phù hợp với nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền - polluter pay” vốn đã được thừa nhận trong luật quốc tế.

4. NHỮNG ĐIỂM PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN ĐÃ ĐƯỢC HOÀN THIỆN

Trên thực tế đã có những tiến bộ đáng ghi nhận:

- Với Luật Bảo vệ môi trường 2020 + Nghị định 08/2022 sửa đổi 05/2025, nghĩa vụ tái chế/ xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu đã trở nên bắt buộc, thay vì tự nguyện như trước.

- Theo các quy định hiện hành, từ ngày 1/1/2024 nhà sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm dầu nhớt, pin, ắc-quy, săm lốp, bao bì thương mại phải tái chế hoặc đóng phí tái chế. Sau đó, sản phẩm điện - điện tử phải thực hiện từ 1/1/2025; phương tiện giao thông (ô tô, xe máy) phải thực hiện từ 1/1/2027. Như vậy là đối tượng áp dụng được từng bước mở rộng.

- Có cơ chế linh hoạt cho doanh nghiệp: Nhà sản xuất/ nhập khẩu có thể lựa chọn tự tổ chức tái chế (hoặc thuê bên thứ ba/tái chế) hoặc đóng góp tài chính vào quỹ để nhà nước/ đơn vị chuyên trách tiến hành thu gom, tái chế - điều này giúp các doanh nghiệp có phương án phù hợp với năng lực, mô hình sản xuất.

- Việc sửa đổi bổ sung Nghị định giúp làm rõ “đối tượng chịu trách nhiệm”, nghĩa vụ, cách thức thực hiện, cũng như cơ chế kiểm toán, báo cáo thực hiện - yếu tố quan trọng để EPR không chỉ là quy định trên giấy mà có thể áp dụng thực tiễn.

- EPR được nhìn nhận không chỉ là công cụ môi trường, mà là đòn bẩy cho mô hình kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững, khuyến khích thiết kế sản phẩm dễ tái chế, giảm rác thải, tăng tái sử dụng/ tái chế, giảm áp lực xử lý rác cho xã hội, nhà nước.

Thực tế nêu trên cho thấy, Việt Nam đang tiến nhanh trong việc thiết lập nền tảng pháp lý nhằm biến EPR từ khái niệm sang cơ chế bắt buộc, khả thi, có kiểm soát và hiệu quả thực hiện được nâng cao.

5. NHỮNG HẠN CHẾ CẦN HOÀN THIỆN

Tuy vậy, việc hoàn thiện pháp luật về EPR ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, thách thức và cần bổ sung để chính sách thực sự hiệu quả, bền vững, công bằng và dễ áp dụng trong thực tế. Dưới đây là các vấn đề chính:

* Hạn chế thực thi & khả năng áp dụng

- Việc tự tổ chức tái chế đòi hỏi nguồn lực, kỹ thuật, mạng lưới thu gom mà không phải doanh nghiệp nào cũng có khả năng. Đối với doanh nghiệp nhỏ, việc đóng góp tài chính vào quỹ có thể là gánh nặng, ảnh hưởng tới chi phí sản xuất. Đó là thực tế khó khăn với doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs).

- Thiếu nguồn lực & cơ chế cho tái chế, thu gom - logistics phức tạp: Hệ thống thu gom, tái chế chất thải (như bao bì, pin, sẫm

lốp, điện tử...) ở Việt Nam vẫn chưa đồng bộ, thiếu cơ sở tái chế, thiếu đơn vị đủ năng lực, khiến việc thu gom, phân loại, tái chế sau tiêu dùng gặp khó. Các nhóm phi chính thức (thu gom lẻ, thu mua phế liệu...) tuy đóng vai trò quan trọng, nhưng hiện vẫn chưa được hợp thức hóa đầy đủ gây rủi ro cả về môi trường lẫn điều kiện việc làm, công bằng xã hội.

- Thiếu định mức chi phí tái chế rõ ràng & minh bạch: Cần nhanh chóng ban hành định mức chi phí tái chế (hoặc mức đóng góp tài chính) để doanh nghiệp biết trước gánh nặng chi phí, từ đó có kế hoạch phù hợp và tránh việc “né” nghĩa vụ.

- Mặc dù EPR lý tưởng khuyến khích nhà sản xuất thiết kế sản phẩm/ bao bì dễ tái chế, tái sử dụng; nhưng nếu không có các tiêu chuẩn cụ thể, bắt buộc về thiết kế “xanh”, doanh nghiệp có thể chỉ xem EPR như chi phí, dẫn tới tác dụng hạn chế về giảm rác, tái sử dụng.

- Để EPR hiệu lực thực sự, cần có hệ thống giám sát, báo cáo, kiểm toán rõ ràng, bao gồm thống kê lượng thu gom, tái chế, chất thải; minh bạch bên thứ ba; chế tài đủ mạnh nếu vi phạm; nhưng việc này hiện vẫn đang trong quá trình hoàn thiện.

* Khoảng trống pháp lý & chính sách cần thêm:

- Cần bổ sung các yêu cầu pháp lý hoặc tiêu chuẩn bắt buộc về thiết kế (thiết kế để dễ tái chế, tái sử dụng, giảm nhựa, sử dụng vật liệu tái chế, tối ưu hóa vòng đời sản phẩm) để EPR không chỉ là xử lý sau tiêu dùng mà “đẩy ngược về phía trước”.

- Nhà nước nên có chính sách hỗ trợ (tài chính, kỹ thuật, đào tạo, ưu đãi thuế...) để phát triển hệ thống tái chế trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là SMEs, vượt qua rào cản chi phí và kỹ thuật.

- Rất nhiều thu gom, tái chế ở Việt Nam do khu vực phi chính thức đảm nhiệm. Vì vậy, cần có quy định để bảo đảm quyền lợi, điều kiện làm việc, bảo hộ xã hội, môi trường làm việc an toàn cho họ.

- Để trách nhiệm thực thi được thực hiện có kết quả, cần có hệ thống giám sát, báo cáo định kỳ, công khai minh bạch, từ doanh nghiệp, đơn vị thu gom/tái chế, đến cơ quan quản lý nhà nước, với vai trò giám sát của cộng đồng.

- Cơ chế xử phạt đủ mạnh với vi phạm - và khuyến khích thực thi EPR như một phần trách nhiệm xã hội, phát triển bền vững, thương hiệu: Để tránh tình trạng “chây ỉ”, “né nghĩa vụ”, cần chế tài rõ ràng và/ hoặc có cơ chế công nhận (“nhân xanh”, chứng nhận “sản xuất bền vững”) cho doanh nghiệp thực hiện tốt EPR.

Trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải yêu cầu nhà sản xuất phải đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo định mức cụ thể đối với từng loại sản phẩm, bao bì. Trách nhiệm này đã được nhà sản xuất thực hiện từ năm 2022, theo quy định tại Phụ lục XXIII Nghị định 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Tuy nhiên, theo công bố của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam thì năm 2023 thu được là hơn 400 tỷ đồng, với khoảng hơn 50 nhà sản xuất đóng tiền thu gom, xử lý chất thải. Số tiền này ít hơn rất nhiều so với tính toán dựa trên số lượng nhà sản xuất thuộc đối tượng phải thực hiện EPR ở Việt Nam. Do đó, nếu không có biện pháp để buộc các nhà sản xuất/nhập khẩu thực hiện đầy đủ trách nhiệm này thì sẽ tạo ra sự không công bằng trong việc thực thi trách nhiệm của doanh nghiệp.

6. HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT & CHÍNH SÁCH EPR PHÙ HỢP VIỆT NAM

Dựa trên phân tích các điểm mạnh và hạn chế hiện nay, dưới đây là một số đề xuất để hoàn thiện khung pháp lý và thực thi EPR tại Việt Nam:

- Ban hành tiêu chuẩn bắt buộc về thiết kế thân thiện môi trường: Yêu cầu doanh nghiệp thiết kế sản phẩm/bao bì dễ tái chế, dễ phân loại, dễ thu gom sau tiêu dùng;

khuyến khích sử dụng vật liệu tái chế, tái sử dụng, giảm nhựa dùng một lần.

- *Xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp (đặc biệt SMEs)*: Hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, đào tạo về tái chế; ưu đãi thuế hoặc chi phí đầu tư ban đầu cho nhà sản xuất/ tái chế; hỗ trợ phát triển cơ sở tái chế trong nước. Cần có cơ chế hỗ trợ tài chính và tiếp cận công nghệ tái chế hiện đại cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đồng thời tăng cường đào tạo và nâng cao năng lực thông qua việc tổ chức các chương trình đào tạo để nâng cao nhận thức và năng lực quản lý môi trường cho doanh nghiệp.

- *Hợp pháp hóa và bảo vệ người lao động trong chuỗi thu gom, tái chế - đặc biệt khu vực phi chính thức*: xây dựng quy định rõ ràng về quyền lợi, điều kiện làm việc, an toàn lao động, bảo hiểm xã hội; khuyến khích doanh nghiệp, đơn vị tái chế thuê lao động chính thức.

- *Minh bạch thông tin & giám sát thực thi EPR*: Bắt buộc doanh nghiệp, đơn vị tái chế báo cáo định kỳ về số lượng thu gom, tái chế; công khai thông tin; cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm toán; có vai trò của cộng đồng & xã hội dân sự trong giám sát. Đảm bảo sự minh bạch trong quy định và thực thi EPR để doanh nghiệp thấy rõ trách nhiệm của mình và xây dựng lòng tin.

Khung pháp lý dành cho EPR ở Việt Nam đã có nhiều bước tiến quan trọng; từ việc chỉ dừng ở khái niệm trong Luật đến việc trở thành nghĩa vụ bắt buộc với Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định 08/2022, và sửa đổi với Nghị định 05/2025. Điều này ghi nhận nỗ lực của Nhà nước và các bên liên quan trong định hình chính sách phát triển bền vững, quản lý chất thải hiệu quả và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.

- *Chế tài đủ mạnh & khen thưởng/ khuyến khích thực hiện tốt EPR*: có chế tài rõ ràng với doanh nghiệp vi phạm (không tái chế, không đóng phí, không báo cáo...) và khuyến khích doanh nghiệp đi đầu - thông

qua nhãn sinh thái, chứng nhận “sản xuất bền vững”, ưu tiên trong đấu thầu, hợp tác,...

- *Phát triển hệ sinh thái tái chế- logistics thu gom, cơ sở tái chế, thị trường vật liệu tái chế, nhằm đảm bảo khả năng thực thi EPR:* Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội cần phối hợp xây dựng hệ thống thu gom & tái chế khép kín, bền vững, hiệu quả.

- *Nâng cao nhận thức cộng đồng và doanh nghiệp về vòng đời sản phẩm & vai trò EPR:* thông qua truyền thông, giáo dục, khuyến khích tiêu dùng bền vững, tái sử dụng, giảm chất thải, phân loại rác tại nguồn; để EPR không chỉ là trách nhiệm doanh nghiệp mà là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

- *Hoàn thiện khung pháp lý:* Bao gồm xây dựng Nghị định riêng về EPR - Theo đó, cần ban hành một nghị định mới tập trung vào EPR để quy định cụ thể hơn, minh bạch, khả thi và phù hợp với thực tiễn. Bên cạnh đó, cần quy định rõ ràng hơn và làm rõ các quy định về trách nhiệm của từng loại sản phẩm, mức phí EPR, cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả thực thi.

- *Phát triển ngành công nghiệp tái chế:* Cần có chính sách khuyến khích mạnh mẽ để phát triển ngành tái chế trong nước, thay vì phụ thuộc vào xuất khẩu, nhằm gia tăng giá trị và tạo việc làm. Đi đôi với nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống hạ tầng thu gom, phân loại và xử lý chất thải để hoạt động hiệu quả hơn.

- *Tăng cường phối hợp:* Tăng cường hợp tác giữa chính phủ, doanh nghiệp và

cộng đồng để xây dựng một hệ thống quản lý chất thải bền vững. Nâng cao vai trò của các tổ chức như Hội đồng EPR quốc gia và Văn phòng EPR đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối và hỗ trợ triển khai.

Tuy nhiên, để EPR thực sự phát huy hiệu quả - giảm rác thải, tăng tái chế, bảo vệ môi trường, thúc đẩy thiết kế sản phẩm bền vững - cần có thêm nhiều bước hoàn thiện: từ tiêu chuẩn thiết kế, hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển hệ sinh thái tái chế, minh bạch và giám sát thực thi, đền bù người lao động và khuyến khích cộng đồng tham gia. Nếu được hoàn thiện và thực thi tốt, EPR không chỉ là công cụ quản lý chất thải, mà còn là nền tảng để Việt Nam chuyển đổi theo mô hình phát triển bền vững, kinh tế xanh, tuần hoàn, giảm phát thải, bảo vệ môi trường và tài nguyên cho tương lai.

Để thực hiện tốt quy định EPR tại Việt Nam, cần xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp trong chuỗi giá trị. Trách nhiệm của doanh nghiệp trong chuỗi giá trị nhựa (doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, doanh nghiệp tiêu dùng sản phẩm và người sử dụng sản phẩm) cần xác định rõ nhằm đảm bảo công bằng khi thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý chất thải. Mặt khác, cần đảm bảo việc áp dụng EPR không tạo nên rào cản cho doanh nghiệp trong việc tăng chi phí sản xuất, giảm cạnh tranh: nhiều doanh nghiệp lo ngại về mức đóng phí sẽ tăng giá thành sản phẩm, giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và mức phí đề xuất chưa phù hợp. Đảm bảo việc xác định mức phí phù hợp sẽ giúp doanh nghiệp triển khai đầy đủ nghĩa vụ trong thời gian tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Luật Bảo vệ môi trường 2020 (số 72/2020/QH14)
2. Nghị định 08/2022/NĐ-CP (10/01/2022)
3. Nghị định 05/2025/NĐ-CP (06/01/2025)
4. Bài “Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) vì mục tiêu phát triển bền vững”

(Tạp chí điện tử Pháp luật và Phát triển)

5. Bài “Trách nhiệm mở rộng của Nhà sản xuất (EPR) tại Việt Nam. Khung pháp lý, Thực thi và Sự tham gia của các bên liên quan” (VietNam Metal Recycling).
6. Bài: *Phân tích từ công ty luật: “Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) - Công cụ thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và bảo vệ môi trường”* (TlalawFirm).